TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2025/DS-ST
Ngày: 14 - 7 -2025
"V/v Tranh chấp vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và ông Trần Đại Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đắk Lắk mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 19/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-DS ngày 02/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2025/QĐST-DS ngày 23/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1994. Địa chỉ (cũ): 1 L, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ hiện nay: 1 L, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1960. Địa chỉ (cũ): Số B khu khoáng sản, tổ A, khu phố N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ hiện nay: Số B khu K, tổ A, Khu phố N, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959 và ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1990, cùng địa chỉ (C): Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ hiện nay: Khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk). Bà C, ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Anh T do ông Trần Ngọc Q đại diện thống nhất trình bày: Ngày 30/01/2024, bà Nguyễn Thị C có vay của ông Nguyễn Anh T số tiền 92.000.000 đồng, kèm theo giấy cam kết hẹn đến ngày 30/3/2024 bà C bán đất cho ông Nguyễn Đức K và bà Trương Thị H thì hoàn trả đầy đủ cho ông T, đồng thời bà Nguyễn Thị C hứa hẹn trả lãi cho ông T theo hạn mức 1,5% trên tháng đối với số tiền vay nêu trên, đến hẹn bà C không trả nợ cho ông T. Ông T đòi nợ nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị C không trả và có giao cho ông T bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ807085 do UBND thành phố T cấp ngày 10/5/2012

thửa đất 294, tờ bản đồ số 230-B diện tích 290,7m2 tên Nguyễn T1 và bà Nguyễn Thị C, đã trước bạ sang tên số 030121.TA.005 ngày 14/5/2024 cho ông Nguyễn Đức K. Ông K cũng thừa nhận đang trực tiếp quản lý 50.000.000 đồng trong tổng số nợ 92.000.000 đồng và ông K cũng có hứa hẹn để trả nợ cho ông T. Nhưng ông K không trả, còn thách thức ông T. Nay ông T yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Đức K phải cùng trả số nợ 92.000.000 đồng và lãi suất 1,67%/tháng theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn bà C, ông K vắng mặt nên không có trình bày.

*Tại biên bản xác minh tại Công an xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là Công an phường B, tỉnh Đắk Lắk) xác định: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959 và ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (cũ). Ông Nguyễn Đức K có mặt tại địa phương, bà C không có mặt tại địa phương.

Toà án nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn Nguyễn Thị C, Nguyễn Đức K vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn Nguyễn Thị C phải trả số tiền nợ gốc 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng) theo giấy mượn tiền. Rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Đức K. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm tính từ ngày 01/4/2024 cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn Nguyễn Thị C, Nguyễn Đức K vắng mặt nên không có trình bày:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Thị C, Nguyễn Đức K vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị buộc bị đơn Nguyễn Thị C có nghĩa vụ phải trả số nợ gốc 92.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/4/2024 đến ngày trả nợ xong. Đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Đức K. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Nguyễn Anh T khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị C, Nguyễn Đức K trả nợ. Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Nguyễn Thị C, Nguyễn Đức K có địa chỉ thường trú tại khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk nên Toà án nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 3, 4 của Nghị quyết 81/2025/NQ-UBTVQH15 thành lập TAND cấp tỉnh, TAND khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của TAND cấp tỉnh, TAND khu vực.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn Nguyễn Thị C, Nguyễn Đức K vắng mặt không rõ lý do tại phiên toà mở lần 2. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn Nguyễn Anh T trình bày cho bị đơn Nguyễn Thị C mượn số tiền 92.000.000 đồng ngày 30/01/2024, hẹn đến ngày 30/3/2024 khi nhận tiền bán đất sẽ trả. Nhưng khi bà C bà đất cho con là ông Nguyễn Đức K và Trương Thị H thì bà C không trả nợ cho nguyên đơn. Nay, nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị C phải trả số tiền nợ gốc là 92.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 30/01/2024.

[4] Xét Giấy vay tiền bản gốc ngày 30/01/2024 do nguyên đơn cung cấp có ghi rõ họ tên, địa chỉ của người mượn tiền, số tiền mượn, thời gian trả nợ đến ngày 30/3/2024, không thoả thuận lãi. Do đó, xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Đức K phải đồng trả nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, xét giấy vay tiền chỉ có tên người vay là bà Nguyễn Thị C, có thông tin của ông Nguyễn Đức K nhưng do bà C trình bày khi bán đất cho ông K sẽ lấy tiền trả nợ cho nguyên đơn. Như vậy, xét nghĩa vụ trả nợ là của riêng bị đơn Chính, không liên quan đến ông Nguyễn Đức K. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Đức K, xét tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc bị đơn Nguyễn Đức K phải trả nợ cho nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Thị C phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc là 92.000.000 đồng.

[5] Lãi của khoản tiền 92.000.000 đồng: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 01/4/2024 cho đến ngày trả nợ xong. Như trên đã phân tích, Giấy vay tiền không thoả thuận lãi, hẹn đến ngày 30/3/2024 phải trả đầy đủ. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi xét phù hợp quy định tại điều 466, 468 BLDS nên chấp nhận, tính lãi trên lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/4/2024 cho đến khi trả nợ xong. Khoản tiền lãi bị đơn Nguyễn Thị C phải trả cho nguyên đơn là: 92.000.000 đồng x 10%/năm x 1 năm 3 tháng 13 ngày = 11.832.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bị đơn C phải trả cho nguyên đơn là 103.832.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[7] Về án phí: Xét bị đơn Nguyễn Thị C sinh năm 1959, đã trên 60 tuổi tuy nhiên quá trình làm việc không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, bị đơn Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 3, 4 của Nghị quyết 81/2025/NQ-UBTVQH15 thành lập TAND cấp tỉnh, TAND khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của TAND cấp tỉnh, TAND khu vực.

Các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Anh T; buộc bị đơn Nguyễn Thị C phải trả cho nguyên đơn số tiền 103.832.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng), lãi là 11.832.000 đồng (mười một triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Anh T về việc buộc ông Nguyễn Đức K có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.191.600 đồng (Năm triệu một trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm đồng).

H1 lại cho nguyên đơn Nguyễn Anh T số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0005822 ngày 26/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, Phú Yên (Nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Đắk Lắk).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 11- Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 11- Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên